

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HS-ST

Ngày: 24-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phú

Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 62/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

PHÙNG THÀNH Đ; sinh ngày 16 tháng 02 năm 1997 tại Ninh Bình; nơi đăng ký thường trú: số nhà Xóm 4A, xã KN, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: số nhà Đường ĐB, phường TCH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Đình L và bà Phùng Thị L1; vợ, con: không; tiền án: không; tiền sự: không; Áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Cù Chính P – sinh năm 1957; địa chỉ: 279-281 CH, Phường E, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2021, do thiếu tiền trả nợ cho nhân viên tại công trường, ông Cù Chính P liên hệ bà Phan Thị T để tìm nơi vay tiền thì được bà T giới thiệu Phùng Thành Đ để ông P vay số tiền 200.000.000 đồng. Ông Đ đồng ý cho ông P vay số tiền 200.000.000 đồng với điều kiện: trả góp 8.000.000 đồng/ngày trong vòng 34 ngày, tiền dịch vụ phải trả khi được vay tiền là:

20.000.000 đồng, đồng thời khi nhận tiền vay phải trả trước 02 ngày tiền góp là 16.000.000 đồng. Ông P đã đồng ý với điều kiện cho vay trên.

Thời điểm ký hợp đồng vay vào ngày 22/3/2021 tại địa chỉ đường CH, Phường E, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P nhận tiền vay là 164.000.000 đồng (sau khi trừ 16.000.000 đồng tiền góp 02 ngày và 20.000.000 đồng tiền dịch vụ). Hình thức nhận tiền vay như sau:

+ Đ chuyển khoản 70.000.000 đồng (50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng) từ tài khoản số 0071001283460 của Đ vào tài khoản 0181005202015 của ông P mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.

+ Do ông P muốn thanh toán luôn 02 ngày góp tiếp theo do bận công việc nên ông P đề nghị bị can Đ trừ tiếp 02 ngày tiền góp là: 16.000.000 đồng. Do đó, số tiền mặt Đ giao cho ông P là:

$$94.000.000 - 16.000.000 = 78.000.000 \text{ đồng.}$$

Tổng cộng, ông P nhận 148.000.000 đồng (70.000.000 đồng từ chuyển khoản và 78.000.000 đồng tiền mặt). Sau khi nhận tiền vay, Đ và P ký hợp đồng vay cho sự chứng kiến của bà Phan Thị T. Hiện cả hai bên đã làm thất lạc hợp đồng vay mượn tiền ngày 22/03/2021.

- Các ngày sau đó, ông P chuyển trả tiền cho Đ bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của ông P, tài khoản của nhân viên ông P (L, B) hoặc đến cửa hàng Viettel chuyển tiền vào tài khoản số: 19035638320011 tên Trần Văn Q thuộc ngân hàng Techcombank (tài khoản do Đ cung cấp cho ông P). Ngoài ra ông P đưa tiền mặt gửi xe ôm số tiền: 12.000.000 đồng đến nhà giao cho Đ. Tổng cộng ông P đã trả cho Đ là 186.000.000 đồng. Hiện nay ông P còn nợ Đ số tiền 86.000.000 đồng. Ông P chỉ cung cấp được chứng từ số tiền: 96.000.000 đồng (10 giao dịch chuyển tiền) tiền góp thanh toán vào tài khoản ngân hàng của Trần Văn Quảng.

Quá trình làm việc, Đ thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng của mình và khai nhận phù hợp với lời khai của Cù Chính P:

- Từ ngày 22/03/2021 đến ngày 26/04/2021, Đ đã nhận của ông P tổng số tiền góp là 186.000.000 đồng. Hiện nay ông P còn nợ bị can Đ số tiền 86.000.000 đồng.

- Về nguồn gốc số tiền 200.000.000 đồng bị can Đ cho ông P vay là tiền Đ mượn của Trần Văn Q (không rõ nơi cư trú). Bị can Đ quen biết Q khi cả hai cùng làm nhân viên tại quán nhậu tại Hà Nội. Do đó, khi cho ông P vay tiền, Bị can Đ đọc số tài khoản của Q cho ông P chuyển tiền góp hàng ngày vào tài khoản của Quảng để thanh toán tiền bị can Đ vay của Q. Sau khi biết bị can Đ bị công an phát hiện hành vi cho ông Cù Chính P vay lãi nặng thì Q đã bỏ trốn, hiện không còn liên lạc được.

- Qua xác minh tài khoản ngân hàng nhận tiền của ông P trả góp hàng ngày cho bị can Đ xác định:

+ Tài khoản 19035638320011 của Trần Văn Q nhận tiền trả góp của ông P và căn cứ chứng từ chuyển tiền ông P cung cấp xác định được số tiền ông P chuyển vào tài khoản của Trần Văn Quảng để trả tiền góp ngày là: 96.000.000 đồng (10 giao dịch chuyển tiền).

+ Tài khoản 0071001283460 của bị can Phùng Thành Đ nhận số tiền 8.000.000 đồng do ông P chuyển ngày 24/3/2021

+ Ngoài ra, ông P khai nhận ngày sau khi nhận tiền 148.000.000 đồng, ông P đã trả ngày thêm 02 ngày 16.000.000 đồng tiền góp và có đưa tiền cho xe ôm chuyển 16.000.000 đồng cho bị can Đ và bị can Đ cũng đã xác nhận số tiền trên.

- Cơ quan CSĐT Công an quận Tân Bình tiến hành mời làm việc đương sự Trần Văn Q. Tuy nhiên, xác minh địa chỉ cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ thường trú tại xã Văn Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam của đương sự Trần Văn Q hiện không có mặt tại địa P do đó chưa làm việc được với Trần Văn Q.

- Tiến hành khám xét chỗ ở của bị can Phùng Thành Đ, kết quả: không phát hiện và thu giữ đồ vật tài liệu gì.

- Cơ quan CSĐT Công an quận Tân Bình đã tiến hành làm việc với Cù Chính P và bị can Phùng Thành Đ đều xác nhận nội dung: Bị can Đ cho ông P vay số tiền: 200.000.000 đồng trong vòng 34 ngày phải trả: 272.000.000 đồng, tiền dịch vụ là 20.000.000 đồng, mỗi ngày góp: 8.000.000 đồng. Ông P đã trả cho Đ tổng số tiền 186.000.000 đồng. Hiện nay ông P còn nợ Đ số tiền 86.000.000 đồng.

* Về P thức trả và chứng từ từng lần trả góp: Ông P và bị can Đ đều xác nhận:

- 32.000.000 đồng bị can Đ đã thu trực tiếp bằng cách trừ trực tiếp vào tiền vay trước khi giao tiền vay cho P vào ngày 22/3/2021.

- 01 lần P cho người xe ôm mang tiền chuyển khoản vào tài khoản 0071001283460 của Phùng Thành Đ số tiền 8.000.000 đồng vào ngày 24/3/2021.

- 01 lần ông P cho xe ôm mang tiền giao tiền mặt Đ số tiền: 12.000.000 đồng.

- Còn lại ông P trực tiếp chuyển khoản hoặc cho nhân viên chuyển khoản cho Đ vào tài khoản 19035638320011 của Trần Văn Q cung cấp tổng số tiền: 134.000.000 đồng.

Căn cứ tài liệu, chứng từ thu thập được nhận thấy: Ngày 22/03/2021 ông Đ đã cho ông P vay số tiền: 200.000.000 đồng trong 34 ngày, mỗi ngày trả góp 8.000.000 đồng/ngày, sau 34 ngày phải trả số tiền: 272.000.000 đồng. Do đó: Số tiền lãi bị can Đ nhận được trong 34 ngày là: 72.000.000 đồng.

* Về lãi suất cho vay: Căn cứ khoản 1, Điều 4 và điểm b, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 14/2017/NHNN ngày 29/9/2017 quy định P pháp tính lãi trong hoạt

động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng:

- + Tiền lãi mỗi ngày là: $72.000.000 \text{ đồng} : 34 \text{ ngày} = 2.117.647 \text{ đồng}$
- + Lãi suất/năm của số tiền 200.000.000 đồng ông P đã vay của Đ là: $(2.117.647 \times 365 \times 100) : 200.000.000 = 386,47\%$.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”. Do đó lãi suất ông Đ cho ông P vay gấp: 19,32 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.

* Về khoản thu lợi bất chính: Thực tế ông Đ và ông P đều xác nhận trùng khớp lời khai cụ thể:

+ Ông P thanh toán tiền góp cho ông Đ tổng số tiền là: 186.000.000 đồng (tương đương 23 ngày góp).

+ Số tiền lãi ông P thực tế đã trả cho ông Đ là: 2.117.647 đồng (lãi 01 ngày) $\times 23 \text{ ngày} = 48.705.882 \text{ đồng}$.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”. Do đó tiền lãi tối đa tương ứng 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự của số tiền 200.000.000 đồng cho vay trong 34 ngày ông Đ được nhận là: $(200.000.000 \times 20 \times 34) : (365 \times 100) = 3.726.027 \text{ đồng}$.

+ Tổng số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật dân sự Đ đã nhận được là: $48.705.882 \text{ đồng} - 3.726.027 \text{ đồng} = 44.979.854 \text{ đồng}$

+ Căn cứ khoản 1, Mục 1 Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử và Mục 1, Công văn số: 4688/VKSTC-V14 ngày 09/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về hướng dẫn, giải đáp vướng mắc trong quá trình áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Khoản tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự) là tổng số tiền lãi thu được từ việc cho vay hay là khoản tiền lãi thu được sau khi trừ đi tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự*”.

Do đó, số tiền thu lợi bất chính Phòng Thành Đ thu được khi cho Cù Chính P vay số tiền 200.000.000 đồng ngày 22/3/2021 là: $44.979.854 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng (tiền dịch vụ)} = 64.979.854 \text{ đồng}$ (Sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng).

* Đồ vật tạm giữ của bị can Phòng Thành Đ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 06 màu vàng, đã qua sử dụng

- 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Wave màu đen – bạc, đã qua sử dụng. Xác minh tra cứu xe máy 02 bánh do anh Đàm Văn L, SN: 1986, địa chỉ: 142 KP2, phường Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc anh Đàm Văn L và Phùng Thành Đ khai nhận: anh L là người đứng tên mua xe và đứng tên giấy tờ nhưng hiện tại chiếc xe đã được Đ mua và thuộc sở hữu của Đ, anh L không còn liên quan đến chiếc xe trên. Đ và anh Luân có viết giấy uỷ quyền công chứng về việc uỷ quyền cho Đ sử dụng và có quyền mua bán đối với chiếc xe trên.

Vật chứng đã được liệt kê tại Phiếu nhập kho vật chứng số 48/PNK ngày 28/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình (bút lục số 41)

- Ngoài ra lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD dữ liệu lấy lời khai ghi âm ghi hình của bị can.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 24 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Phùng Thành Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phùng Thành Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 và điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36- Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Phùng Thành Đ từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 201; khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo phải giao nộp số tiền:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước tiền gốc ông P đã thanh toán cho Đ là 135.294.118 đồng và 2.000.000 đồng, tổng cộng là 137.294.118 đồng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước tiền do phạm tội mà có số tiền 3.726.027 đồng, là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/ năm.

Buộc bị cáo trả lại cho ông Cù Chính P số tiền thu lợi bất chính là 44.979.854 đồng là khoản lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm.

Về vật chứng vụ án: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Phùng Thành Đ, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với Bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận trong khoảng tháng 3 năm 2021 tại địa bàn nhà số 279-281 Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình Phùng Thành Đ đã có hành vi cho Cù Chính P vay tiền với lãi suất từ 386,47%/năm (cao gấp 19.32 lần so với mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép). Số tiền thu lợi bất chính của Phùng Thành Đ là 64.979.854 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Qua phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy việc Viện kiểm sát đề nghị phạt bị cáo cải tạo không giam giữ từ 12 đến 18 tháng trên cơ sở xem xét các căn cứ về khung hình phạt và dựa vào việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng với toàn bộ diễn biến hành vi các bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Mặc dù biết việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội và bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lợi ích cá nhân mà bị cáo đã cố ý phạm tội, nên cần xét xử bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Việc đại diện Viện kiểm sát căn cứ tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo để đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 35; khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cù Chính P vắng mặt nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án nhận thấy: số tiền 200.000.000 đồng ông Cù Chính P vay của bị cáo, ông P đã trả cho bị cáo 135.294.118 và 2.000.000 đồng, tổng cộng 137.294.118 đồng. Xét thấy đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội (P tiền phạm tội) nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

Đối với số tiền 3.726.027 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20 %/năm Phùng Thành Đ thu được từ hành vi cho vay. Xét thấy đây là khoản tiền thu được phát sinh từ hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

Đối với số tiền 44.979.854 đồng là số tiền thu vượt trên mức lãi suất 20%/năm Phùng Thành Đ thu được từ hành vi cho Cù Chính P vay. Xét thấy đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả lại cho người vay như đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Xét thấy tình trạng cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự diễn biến phức tạp, là hoạt động tín dụng đen, nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh trật tự tại địa P; bị cáo nhận thức được hành vi của mình nhưng vẫn cố tình phạm tội, chưa nộp lại được khoản thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử quyết định phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 đồng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do bị cáo đã phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 06 màu vàng, có số Imei: 354444063587424, Hội đồng xét xử xét thấy vật chứng này Đ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội (tư vấn, liên hệ khách vay tiền, nhắc trả nợ...) nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với 01 (một) xe máy hiệu Wave A, màu đen bạc, biển, quá trình cho vay tiền bị cáo dùng xe của Quảng (được Quảng chở) làm P tiền đến nơi ở của ông P để làm hồ sơ cho vay, quá trình thu nợ bị cáo cũng không sử dụng xe để thu nợ mà ông P là người chuyển khoản hoặc nhờ người mang tiền đến cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc xe là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) điện thoại Iphone 11, màu đen, có số Imei: 352918117166477, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo sử dụng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo;

Tình trạng vật chứng theo phiếu nhập kho vật chứng số 48/PNK ngày 28/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

Lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa dữ liệu lấy lời khai ghi âm ghi hình của bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phùng Thành Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; Điều 35; Điều 36 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Phùng Thành Đ **12 (Mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 đồng.

Giao bị cáo Phùng Thành Đ cho Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Trường hợp bị cáo chuyển nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phùng Thành Đ.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phùng Thành Đ nộp lại số tiền 137.294.118 đồng và 3.726.027 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm mà có để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Phùng Thành Đ trả lại cho ông Cù Chính P số tiền 44.979.854 đồng là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay.

2. Về vật chứng vụ án:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 06 màu vàng, có số Imei: 354444063587424.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) xe máy hiệu Wave A màu đen bạc biển số BKS: 59G2-578.55, số khung: RLHJA3917KY004310, số máy: JA39E0860301 và 01 (một) điện thoại Iphone 11, màu đen, có số Imei: 352918117166477.

(Tình trạng vật chứng theo phiếu nhập kho vật chứng số 48/PNK ngày 28/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh);

Lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD dữ liệu lấy lời khai ghi âm ghi hình của bị cáo.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- UBND phường Tân Chánh Hiệp,
Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Vũ Văn Hiếu**